

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 18-8-2023  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phan Thị Minh Phương

Bà Vũ Thị Quỳ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Tô Thị A, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; Hiện đang chấp hành án tại: Đội 22, phân trại 3, Trại giam T - T2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 04/5/2023 và bản tự khai ngày 08/5/2023 chị A trình bày: Chị tự nguyện chung sống với anh Nguyễn Duy P thời gian năm 2002 nhưng đến ngày 17/8/2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2017 do phong cách sống không còn phù hợp, anh P theo bạn bè chơi bời, nghiện hút ma túy. Vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh P thay đổi cách sống để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 9/2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Đầu năm 2022 anh P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xử phạt 02 năm 06 tháng tù và hiện đang chấp hành án tại Trại giam T - T2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chị chưa đến thăm nom động viên anh lần nào. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh P.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/02/2003 và Nguyễn Duy L, sinh ngày 03/9/2009. Nay cháu T đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu L đang do chị A nuôi dưỡng. Chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, trên cơ sở nguyện vọng của cháu. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng vì anh P đang phải chấp hành án tại trại giam nên không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con, hiện nay chị A đang làm nghề kinh doanh tự do, mỗi tháng thu nhập kinh tế 10.000.000 đồng và có nơi ăn ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2023, anh P trình bày: Thống nhất với chị A về thời gian kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh theo bạn bè chơi bời, nghiện hút ma túy và phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Nay anh xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn trầm trọng, chị A xin ly hôn anh đồng ý. Do anh đang phải chấp hành án tại trại giam T, tỉnh Thanh Hóa nên không đến Tòa án để giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/02/2003 và Nguyễn Duy L, sinh ngày 03/9/2009. Nay cháu T đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu L đang do chị A nuôi dưỡng. Anh đồng ý để chị A tiếp tục nuôi dưỡng cháu L đến khi đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và công bố công khai tại phiên tòa xét thấy:

1. Về tố tụng: Chị A là nguyên đơn, anh P là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh P tự nguyện chung sống với nhau thời gian từ năm 2002, nhưng đến ngày ngày 17/8/2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn đến nay ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị A xin ly hôn anh P là có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị A được ly hôn anh P là phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Tô Thị A được ly hôn anh Nguyễn Duy P.

3. Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/02/2003 và Nguyễn Duy L, sinh ngày 03/9/2009. Nay cháu T đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu L đang do chị A nuôi dưỡng. Chị A xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và cháu L có nguyện vọng được ở với chị A cần chấp nhận. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Nguyễn Duy L, sinh ngày 03/9/2009 cho chị A nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả công bố công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị A là nguyên đơn, anh P là bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A tự nguyện chung sống với anh P thời gian từ năm 2002, nhưng đến ngày 17/8/2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, K. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ tháng 6 tháng 2017 do phong cách sống không còn phù hợp, anh P theo bạn bè chơi bời, nghiện ma túy. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù chị A và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh P thay đổi cách sống để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị A bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 9/2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Đầu năm 2022 anh P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xử phạt 02 năm 06 tháng tù và hiện đang chấp hành án tại Trại giam T - T2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị A xin ly hôn anh P là có cơ sở chấp nhận; nên xử cho chị A được ly hôn anh P là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/02/2003 và Nguyễn Duy L, sinh ngày 03/9/2009. Nay cháu T đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu L đang do chị A nuôi dưỡng. Chị A và anh P đều thống nhất giao cháu L cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và cháu L có nguyện vọng được ở với chị A, được chấp nhận. Cần giao cháu L cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P.

[4] Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị A được ly hôn anh Nguyễn Duy P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy L, sinh ngày 03/9/2009 cho chị A nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P cho đến khi chị A có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/02/2003 đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001927 ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị A đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thanh Huyền**